

lệ khí trên đây, chúng ta càng thấy rõ sự tương ứng giữa phương đông, mùa xuân khí phong, **ấm và mát là điều kiện để sinh**, đại biểu là loài mộc. Phương nam mùa hạ, thủ khí, hỏa khí, **nóng nực ẩm vừa phải là điều kiện để trưởng**, đại biểu là loài hỏa. Phương tây nam, cuối mùa hạ, thấp khí, **nóng và ẩm ít, là điều kiện để hóa**, đại biểu là thổ mùa thu. Phương Tây khí táo, **mát và khô, là điều kiện để thu gom lại**, đại biểu là kim thạch. Phương bắc mùa đông, khí hàn, **ấm ít và rất lạnh là điều kiện để tàng ẩn**, đại biểu là thủy.

Nếu chỉ tính theo năm hướng chính tương ứng với bốn mùa và năm hành, tương ứng với năm khí và tỷ lệ khí ẩm nhiệt chúng ta sẽ có như sau:

- Mùa xuân, phương đông, khí phong, ẩm 100%, nhiệt 50%, sinh, hành mộc
- Mùa hạ phương nam, khí hỏa, ẩm 50% nhiệt 100% trưởng, hành hỏa
- Cuối hạ, tây nam, thấp khí, ẩm 25%, nhiệt 75%, hóa, hành thổ
- Mùa thu, phương tây, khí táo, ẩm 0%, nhiệt 50%, thu, hành kim.
- Mùa đông, phương bắc, khí hàn, ẩm 50%, nhiệt 0%, tàng, hành thủy.

IV

NGŨ HÀNH VÀ CÁC CHU KỶ THỜI GIAN

Ngũ hành theo những ý nghĩa trên là nói về các thành phần khí trong môi trường sống, nó có giá trị tương ứng cả với thời gian (mùa) và không gian phương hướng. Trong các tài liệu cổ ta còn

bất gặp quy luật ngũ hành phối thuộc với các chu kỳ, các quy luật khác nhau có các hệ số khác nhau như ngũ hành trong chu kỳ lục khí, ngũ hành trong chu kỳ ngũ vận, cũng như trong các chu kỳ thập thiên can, thập nhị địa chi, cửu cung, bát quái v.v... Ở các chu kỳ ngũ vận, lục khí, mọi ảnh hưởng của vũ trụ ngoài hệ mặt trời tới vạn vật trên trái đất đều thông qua tính chất khí của môi trường, cho nên việc phối thuộc ngũ hành ở đây cũng là thông qua hành để mà hiểu khí tương ứng, vạn vật tương ứng. Ở chu kỳ bát quái 8 năm và chu kỳ cửu cung 9 năm, mọi ảnh hưởng của vũ trụ ngoài hệ mặt trời tới vạn vật trên trái đất không phải là thông qua tính chất khí của môi trường như ở chu kỳ ngũ vận và lục khí, năng lượng của nó người xưa đã không bàn đến, mà người xưa chỉ căn cứ vào hiện tượng biến đổi ở vạn vật, lấy những sự biến đổi ở vạn vật tương ứng với khí biến đổi và hành biến đổi mà đặt tên phối ngũ hành. Trong trường hợp tương ứng sau, là tương ứng giữa điều kiện (năm, cung quái), kết quả (hành).

Căn cứ sự phối thuộc ngũ hành ở trong các quy luật có hệ số chu kỳ khác nhau, ta có thể lập thành bảng như sau; bảng 28.

Bảng 28

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Mùa	Xuân	Hạ	Trưởng hạ	Thu	Đông
Phương hướng	Đông	Nam	Tây nam	Tây	Bắc
Khí	Phong	Thụ	Thấp	Táo	Hàn
Trạng thái vạn vật	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu (thu)	Tàng
Tạng phủ	Can, đảm	Tâm, tiểu trường	Tỳ, vị	Phế, dại trường	Thận bàng quang

Tiết, quý	Manh xuân Trọng xuân	Manh hạ Trọng hạ	Quý xuân Quý hạ Quý thu Quý đông	Manh thu Trọng thu	Manh đông Trọng đông
Ngũ vận	năm Đinh, Nhâm	năm Mậu, Quý	năm Giáp, Kỷ	năm Át, Canh	năm Bính, Tân
Lục khí	năm Ty Hợi khí quyết âm phong mộc	năm Tý, Ngọ khí thiếu âm quần hỏa năm Dần Thân khí thiếu dương tướng hỏa	năm Sửu, Mùi khí thái âm thấp thổ	năm Mão, Dậu khí dương minh táo kim	năm Thìn Tuất khí thái dương hàn thủy
10 Thiên can	Giáp Ất	Bính, Đinh	Mậu, Kỷ	Canh, Tân	Nhâm, Quý
12 Địa chi	Dần, Mão	Tị, Ngọ	Thìn, Tuất Sửu, Mùi	Thân, Dậu	Hợi, Tý
Bát quái	Chấn, Tốn	Ly	Cấn, Khôn	Đoài, Càn	Khảm
Cửu cung	3, 4	9	8, 5, 2	7, 6	1
Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy

V

QUY LUẬT TƯƠNG SINH, TƯƠNG KHẮC CỦA NGŨ HÀNH

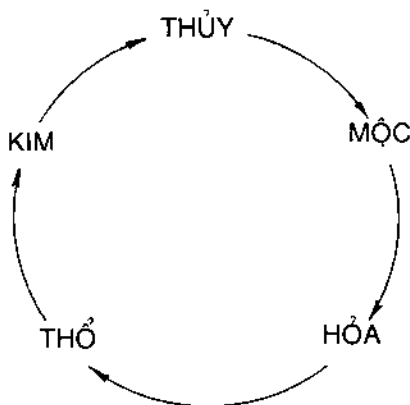
Tương sinh và tương khắc của ngũ hành là mối quan hệ giữa các hành với nhau. Tương sinh là sự kế tiếp phát triển một cách tuần tự, tương khắc là những hành cách xa nhau một bước, chúng

không có sự kế tiếp phát triển mà lại có những điều kiện ngược nhau, hạn chế sự phát triển của nhau. Nội dung chủ yếu của tương sinh hay tương khắc cũng chính là điều kiện khí hậu gần gũi hỗ trợ sự phát triển cho nhau, hay là những điều kiện khí hậu khác nhau quá xa hoặc những điều kiện khí hậu ngược nhau, hạn chế sự phát triển hoặc tiêu diệt nhau.

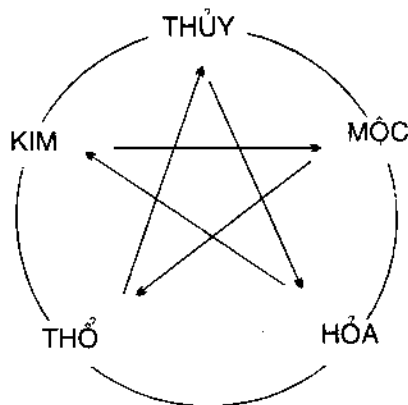
Người ta đã biểu diễn mối quan hệ của ngũ hành trong hai đồ hình đơn giản; hình 15-16. Đồ hình chỉ quan hệ tương sinh là một vòng tròn, trên đó năm hành nối tiếp nhau không dứt. Đồ hình chỉ quan hệ tương khắc như một ngôi sao năm cánh nhọn, trên đó, đỉnh mỗi cánh sao là một hành, các hành nối tiếp nhau khi đã bỏ cách một hành. Đường nối tiếp trong quan hệ tương khắc cho ta thấy chúng có vị trí đối nhau gần như qua tâm, nó biểu thị mọi điều kiện khí đối với vạn vật ở hai mặt không gian (phương hướng) thời gian (mùa năm v.v..) ngược nhau.

Khi ngũ hành đã được phối thuộc vào các hệ số chu kỳ khác, người ta cũng tiến hành khai thác các mối quan hệ trong nội bộ

Hình 15. Tương sinh



Hình 16. Tương khắc



chúng theo kiểu sinh khắc của ngũ hành. Khi chu kỳ có hệ số nhiều số hơn các mối quan hệ được xét tỉ mỉ hơn như: xung, hình hại, hợp, phá, tuyệt v.v...

- Lục hình
Dần hình Tị, Tý hình Mão, Mùi hình Thân,
Dậu hình Hợi, Tị hình Thân, Sửu hình Tuất,
- Lục hại
Tị hại Mùi, Dần hại Tị, Thân hại Hợi,
Sửu hại Ngọ, Mão hại Thìn, Dậu hại Tuất,
- Tú tuyệt
Tý nguyệt Tị, Dậu tuyệt Dần, Ngọ tuyệt Hợi,
Mão tuyệt Thân
- Thập can tương phá
Giáp phá Mậu, Ất phá Kỷ, Bình phá Canh,
Đinh phá Tân, Mậu phá Nhâm, Kỷ phá Quý, Canh phá Giáp,
Tân phá Ất, Nhâm phá Bính, Quý phá Đinh.
- Tú xung
Thìn, Tuất, Sửu, Mùi,
Dần, Thân, Tị, Hợi,
Tý, Ngọ, Mão, Dậu,
- Tam hợp
Hợi, Mão, Mùi,
Thân, Tý, Thìn,
Ngọ, Tuất, Dần.

Ngũ hành được rút ra từ tổng hợp ảnh hưởng của nhiều hệ số chu kỳ; lục khí, ngũ vận, 10 thiên can, 12 địa chi, bát quái, nhịp âm dương là một loại ngũ hành đặc thù có tên "ngũ hành nạp âm" tính theo 60 năm hoa giáp; bảng 29. Công thức tính tổng hợp để tìm ra hành nạp âm tôi sẽ giới thiệu ở chương thứ bảy sách này tên là Cửu cung và bát quái. Trong ngũ hành nạp âm ta thấy ngoài

ra còn có hình ảnh sinh động của hành, khi tìm hiểu xong công thức tinh hành nạp âm, chúng ta sẽ nhận ra rằng hình ảnh sinh động của hành chính là vị trí của hành trong tổng hợp ảnh hưởng đó ở những cung độ của toàn bộ khác nhau mà thôi.

Bảng 29. Bảng ngũ hành nạp âm của 60 hoa giáp

Giáp tý, ất Sửu = Hải trung kim;
Bính dần, đinh Mão = Lô trung hỏa;
Mậu Thìn, kỷ Tỵ = Đại lâm mộc;
Canh Ngọ, tân Mùi = Lộ bàng thổ;
Nhâm Thân, quý Dậu = Kiếm phong kim;
Giáp Tuất, ất Hợi = Sơn đầu hỏa;
Bính tý, đinh Sửu = Gian hạ thủy;
Mậu dần, kỷ Mão = Thành đầu thổ;
Canh Thìn, tân Tỵ = Bạch lập kim;
Nhâm Ngọ, quý Mùi = Dương liễu mộc;
Giáp Thân, ất Dậu = Tuyên trung thủy;
Bính Tuất, đinh Hợi = Ốc thượng thổ;
Mậu tý, Kỷ Sửu = Tích lịch hỏa;
Canh dần, tân Mão = Tùng bách mộc;
Nhâm Thìn, quý Tỵ = Trường lưu thủy;
Giáp Ngọ, ất Mùi = Sa trung kim;
Bính Thân, đinh Dậu = Sơn hạ hỏa;
Mậu Tuất, kỷ Hợi = Bình địa mộc;
Canh tý, tân Sửu = Bích thượng thổ;
Nhâm dần, quý Mão = Kim bạch kim;
Giáp Thìn, ất Tỵ = Phú đảng hỏa;
Bính Ngọ, đinh Mùi = Thiên hà thủy;
Nhâm tý, quý Sửu = Tang đồ mộc;

- Giáp dần, ất mão = Đại khô thủy;
- Bính thìn, đinh tị = Sa trung thổ;
- Mậu ngọ, kỷ mùi = Thiên thượng hỏa;
- Canh thân, tân dậu = Thạch lựu mộc;
- Nhâm tuất, quý Hợi = Đại hải thủy.